

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 427, 457 và 459 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 687/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Các ông (bà) Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thị Ngân C, Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn S, Trần Thị T1, trẻ Nguyễn Ngọc Thùy A, Nguyễn Thanh S1 (người đại diện hợp pháp Nguyễn Văn S, Trần Thị T1), Trần Văn N và Trần Thị Phương A1 là các đương sự trong vụ án vắng mặt và không có ý kiến đối với Biên bản hoà giải thành lập ngày 12 tháng 9 năm 2025 đã được Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ cho các đương sự có tên nêu trên.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị P, sinh năm: 1957; địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

+ Bà Võ Thị B, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố H.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Nguyễn Thanh V;
- + Bà Nguyễn Thị Ngân C;
- + Ông Nguyễn Thanh T;

Cùng địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1949; địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973;
- + Bà Trần Thị T1;

Cùng địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Trẻ Nguyễn Ngọc Thùy A;
- + Trẻ Nguyễn Thanh S1;

Cùng địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Ngọc Thùy A và trẻ Nguyễn Thanh S1: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T1; địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Ông Trần Văn N, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Phương A1, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Số F Hồ T, Tổ A, Ấp B, xã P (địa chỉ cũ: xã T, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Bà Võ Thị B tự nguyện giao cho bà Trịnh Thị P quản lý sử dụng hiện trạng quyền sử dụng đất có diện tích theo đo vẽ thực tế: 90.4m² (Khu 1) tại một phần thửa đất số 37, thuộc tờ bản đồ số 37-1 (37+525)-2; địa chỉ thửa đất tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị T2 tự nguyện giao cho bà Trịnh Thị P quản lý sử dụng hiện trạng quyền sử dụng đất có diện tích theo đo vẽ thực tế: 95.2m² (Khu 2) tại một phần thửa đất số 525-1, thuộc tờ bản đồ số 15; địa chỉ thửa đất tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị B và Nguyễn Thị T2 tự nguyện tháo dỡ công trình, kiến trúc, cây trồng (nếu có) để bàn giao quyền sử dụng đất trống cho bà Trịnh Thị P.

(Theo Bản đồ hiện trạng vị trí - Áp ranh bổ túc hồ sơ tranh chấp tài sản đã kiểm tra nội nghiệp ngày 28/5/2025 và Bản đồ hiện trạng vị trí - Áp ranh bổ túc hồ sơ tranh chấp tài sản lập ngày 22/5/2025 của Công ty TNHH MTV T3 Bản đồ)

[2]. Bà Trịnh Thị P tự nguyện hỗ trợ cho bà Võ Thị B số tiền 452.000.000đ (Bốn trăm năm mươi hai triệu đồng). Thi hành ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Trịnh Thị P tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Thi hành ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Bà Trịnh Thị P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp thức hóa hiện trạng quyền sử dụng đất có diện tích theo đo vẽ thực tế: 90.4m² (Khu 1) tại một phần thửa đất số 37, thuộc tờ bản đồ số 37-1 (37+525)-2; địa chỉ thửa đất tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh và diện tích theo đo vẽ thực tế: 95.2m² (Khu 2) tại một phần thửa đất số 525-1, thuộc tờ bản đồ số 15; địa chỉ thửa đất tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh vào quyền sử dụng đất có diện tích 1.278m², tại thửa đất số 93-1, 93-2, 94-1, 98-1, 129-1, thuộc tờ bản đồ số 10; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 240/QSDĐ/CQ ngày 27/10/2003.

[4]. Bà Trịnh Thị P, Võ Thị B, Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành làm thủ tục hợp thức hóa thửa đất đối với các quyền sử dụng đất được giao như trên.

[5]. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét thực hiện các thủ tục để bà Trịnh Thị P được quyền quản lý sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất đã được bà Võ Thị B, Nguyễn Thị T2 tự nguyện giao cho bà Trịnh Thị P như trên.

[6]. Chi phí tổ tụng đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá bà Trịnh Thị P tự nguyện chịu nộp. Bà P đã nộp đủ.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

[7.1]. Bà Trịnh Thị P, bà Võ Thị B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2]. Bà Trịnh Thị P tự nguyện chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.520.000đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thay cho bà Nguyễn Thị T2;

Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Anh Đạt